Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
05.09.2023 16:47:07 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1834 /GPMT-UBND	*Tây Ninh, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2015 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì của Công ty TNHH Thiên Lộc;

Căn cứ Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì của Công ty TNHH TM DV Minh Thiên Lộc;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 02/MTL ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 04/MTL ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Công ty TNHH TM DV Minh Thiên Lộc về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì tại ấp Phước Bình 2, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5750/TTr-STNMT ngày 15 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH TM DV Minh Thiên Lộc địa chỉ tại số 120, đường Hùng Vương, khu phố 4, phường Long Hoa, thị xã Hòa thành, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì tại ấp Phước Bình 2, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Phước Bình 2, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3901256725 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 3 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 3901256725.

1.5. Loại hình Dự án: chế biến tinh bột khoai mì.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 20.000,1 m^2.

1.6.3. Công suất: chế biến tinh bột khoai mì công suất 120 tấn củ mì/ngày tương đương 56 tấn bột ướt/ngày (tương đương 13.944 tấn bột ướt/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH TM DV Minh Thiên Lộc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH TM DV Minh Thiên Lộc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường của Nhà máy đã được cấp phép trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã Suối Đá, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì thuộc Công ty TNHH Thiên Lộc và Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì của Công ty TNHH TM DV Minh Thiên Lộc hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, chủ trì phối hợp với UBND huyện Dương Minh Châu và các cơ quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Công ty được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Dương Minh Châu;
- UBND xã Suối Đá;
- Công ty TNHH TM DV Minh Thiên Lộc;
- LĐVP, CVK
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1834.../GPMT-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân viên với lưu lượng trung bình 0,64m^3/ngày.

- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ công đoạn rửa, làm sạch củ mì với lưu lượng trung bình 241,9m^3/ngày.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ công đoạn băm, nghiền củ mì với lưu lượng trung bình 80,6m^3/ngày.

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ công đoạn ly tâm tách bã, dịch với lưu lượng trung bình 78,7m^3/ngày.

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ công đoạn vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị với lưu lượng trung bình 2,0m^3/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Có 01 dòng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định từ các nguồn: số 01, số 02, số 03, số 04 và số 05 xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương thoát nước chân đập phụ hồ Dầu Tiếng (vị trí K17+00) chảy ra suối Xa Cách thông qua cống tiêu qua đường (từ vị trí xả thải ra cống tiêu là 1,3km) (việc xả nước thải của Nhà máy ra mương thoát nước chân đập phụ hồ Dầu Tiếng đã được Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Miền Nam có ý kiến tại Văn bản số 120/TLMT-QLN ngày 24/4/2023 về việc tham vấn ý kiến trong quá trình cấp Giấy phép môi trường Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì).

2.2. Vị trí xả thải:

- Cửa xả của hố gas bê tông trong phạm vi khu đất của Nhà máy tại ấp Phước Bình 2, xã Suối Đá, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Toạ độ vị trí xả nước thải theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°:

Điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°	
	X	Y
Hố gas tiếp nhận nước thải trước khi chảy ra mương thoát nước chân đập phụ	579.938	1.262.784

- Điểm xả nước thải: tại hố gas bê tông kích thước 1,64m x 1,4m x 0,96m; nước thải từ hố gas bê tông nằm trong khuôn viên đất của Nhà máy theo đường ống HDPE Ø200 mm dài 16m đặt âm dưới đất 1m bắc ngang qua đường nhựa ĐT.781B xả ra mương thoát nước chân đập phụ hồ Dầu Tiếng chảy ra suối Xa Cách.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 403,84 m^3/ngày.đêm, tương đương 16,82 m^3/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả thải: 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 63:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn, cột A với hệ số Kq=0,9, Kf=1,1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	TSS	mg/l	49,5		
3	BOD_5	mg/l	29,7		
4	COD	mg/l	99		
5	Tổng Nitơ	mg/l	49,5		
6	Tổng Xianua	mg/l	0,0693		
7	Tổng Phốtpho	mg/l	9,9		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml	2.970		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại nhà xưởng, văn phòng với lưu lượng là 0,64m^3/ngày.đêm được thu gom về 01 bể tự hoại có thể tích 5m^3; sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất thiết kế 480m^3/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất (nước thải phát sinh từ công đoạn rửa, làm sạch, băm, nghiền củ mì, ly tâm tách bã, dịch, vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị) với lưu lượng lớn nhất là 403,2m^3/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống PVC về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất thiết kế 480 m^3/ngày.đêm để xử lý.

- Toàn bộ nước thải sản xuất của Nhà máy được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 480 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 63:2017/BTNMT, cột A với hệ số Kq=0,9, Kf=1,1; nước thải sau xử lý của Nhà máy chảy ra hố gas bê tông kích thước 1,64m x 1,4m x 0,96m rồi theo đường ống HDPE Ø200 mm dài 16m đặt âm dưới đất 1m bắc ngang qua đường nhựa ĐT.781B chảy vào mương thoát nước chân đập phụ hồ Dầu Tiếng (vị trí K17+00) sau đó chảy ra suối Xa Cách thông qua cống tiêu qua đường (từ vị trí xả thải ra cống tiêu là 1,3km).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đấu nối nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: nước thải → bể tự hoại → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có quy trình công nghệ như sau: nước thải → bể gom (03 bể) → bể biogas (01 bể) → bể sinh học thiếu khí (01 bể) → bể sinh học hiếu khí (01bể) → bể lắng (01bể) → bể trung gian (01 bể) → bể keo tụ (01 bể) → bể tạo bông (01 bể)→ bể lắng hóa lý (01bể) → bể khử trùng (01bể).

Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer, Chlorine.

- Đấu nối nước thải: nước thải sau xử lý của Nhà máy chảy ra hố gas bê tông kích thước 1,64m x 1,4m x 0,96m rồi theo đường ống HDPE Ø200 mm dài 16m đặt âm dưới đất 1m bắc ngang qua đường nhựa ĐT.781B chảy vào mương thoát nước chân đập phụ hồ Dầu Tiếng (vị trí K17+00) sau đó chảy ra suối Xa Cách.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Một (01) bể tự hoại, thể tích 5m^3, kích thước 3m x 1,1m x 1,5m; kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có công suất xử lý 480 m^3/ngày.đêm gồm: 12 bể, trong đó 06 bể được lót bằng bạt chống thấm HDPE gồm: 03 bể thu gom (bể số 1 có thể tích là 68m^3, kích thước mặt trên 8m x 7m x 2m, kích thước đáy dưới 4m x 3m x 2m; bể số 2 có thể tích là 40m^3, kích thước mặt trên 6m x 6m x 2m, kích thước đáy dưới 2m x 2m x 2m; bể số 3 có thể tích là 20m^3, kích thước mặt trên 6m x 3m x 2m, kích thước đáy dưới 2m x 1m x 2m); 01 bể sinh học thiếu khí thể tích 1.125m^3, kích thước mặt trên 20m x 20m x 5m, kích thước đáy dưới 10m x 10m x 5m; 01 bể sinh học hiếu khí thể tích 2.500m^3, kích thước mặt trên 40m x 20m x 5m, kích thước đáy dưới 20m x 10m x 5m; 01 bể biogas được lót và phủ bằng bạt chống thấm HDPE có thể tích 11.750m^3, kích thước mặt trên 80m x 35m x 5m, kích thước đáy dưới 70m x 25m x 5; 06 có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép cụ thể như sau: 01 bể lắng, thể tích 192 m^3, kích thước D x H = 7m x 5m; 01 bể trung gian, thể tích 9,8 m^3, kích thước 1,4m x 2m x 3,5m; 01 bể keo tụ, thể tích 9,8m^3, kích thước 1,4m x 2m x 3,5m; 01 bể tạo bông, thể tích 21m^3, kích thước 3m x 2m x 3,5m; 01 bể lắng hóa lý, thể tích 95,1 m^3, kích thước D x H = 5m x 5m; 01 bể khử trùng, thể tích 15m^3, kích thước 4m x 1,5m x 2,5m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ sự cố, thể tích 12.500 m^3, kích thước 50m x 50m x 5m, lót bạt chống thấm HDPE.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý có lót bạt chống thấm HDPE, thể tích 12.500 m^3, kích thước 50m x 50m x 5m để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật lý vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành hệ thống xử lý nước thải hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải đạt chuẩn quy định.

3.4. Thực hiện công khai thông tin kết quả quan trắc nước thải của Nhà máy theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Cải tạo nâng cấp công trình xử lý nước thải để đảm bảo xử lý đạt giới hạn cho phép của QCVN 63:2017/BTNMT, cột A với hệ số Kq=0,9, Kf=1,1.

3.6. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy đạt QCVN 63:2017/BTNMT, cột A với hệ số Kq=0,9, Kf=1,1 trước khi xả thải ra môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1854./GPMT-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy móc tại công đoạn rửa củ mì.

- Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy móc tại công đoạn tách tạp chất, bóc vỏ lụa củ mì.

- Nguồn số 03: phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy móc tại công đoạn băm nghiền củ mì.

- Nguồn số 04: phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy móc tại công đoạn ly tâm tách bã, tách bột.

- Nguồn số 05: phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy móc tại công đoạn đóng bao tinh bột mì.

- Nguồn số 06: phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy bơm, máy thổi khí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, công suất 480 m^3/ngày.đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X = 1.262.724; Y = 579.963.
- Nguồn số 02: X = 1.262.722, Y = 579.956.
- Nguồn số 03: X = 1.262.718, Y = 579.964.
- Nguồn số 04: X = 1.262.725; Y = 579.989.
- Nguồn số 05: X = 1.262.742; Y = 579.990.
- Nguồn số 06: X = 1.262.602; Y = 579.931.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	*Khu vực thông thường*

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.

- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,…

- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.

- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1854./GPMT-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Chất hấp thu, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	60	Rắn
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	12	Rắn
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	10	Lỏng
4	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	60	Lỏng
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can chứa dầu nhớt thải)	10 01 03	30	Rắn
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	100	Rắn
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	50	Rắn
8	Pin/ắc quy chì thải	19 06 01	2	Rắn
Tổng khối lượng			**324**	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vỏ lụa, đầu mì củ mì	14 04 03	1.440.000
2	Bã mì	14 04 03	4.320.000
3	Bao bì PP thải	-	300
Tổng khối lượng			**5.760.300**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	7.500	8.200
Tổng khối lượng		**7.500**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu giữ:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu giữ:

- Một (01) kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 20 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: có tường tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu giữ:

Bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Khu vực lưu giữ:

- Khu vực lưu giữ bã mì có diện tích 20m². Thiết kế, cấu tạo: khung thép, mái tôn, nền bê tông, có rãnh thu gom nước rỉ về hệ thống xử lý nước thải.
- Khu vực lưu giữ vỏ lụa, đầu mì có diện tích 30m². Thiết kế: nền bê tông có rãnh thu nước rỉ dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

2.2.3. Biện pháp xử lý

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa có nắp đậy tại các khu vực có phát sinh.

2.3.2 Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

4. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1834../GPMT-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Nhà máy đạt quy chuẩn việt nam QCVN 63:2017/BTNMT, cột A, hệ số Kq=0,9, Kf=1,1. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

5. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Nhà máy sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Nhà máy theo đúng quy định.

6. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

7. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

12. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

14. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Nhà máy theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Nhà máy. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định.

15. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.